

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 122/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/12/2022

V/v: “Ly hôn giữa chị P và anh T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trung Thành
Ông Nguyễn Xuân Nghi

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Nguyệt – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 164/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1994; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Ch, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh;

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - Sinh năm 1987; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/8/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 02/3/2016 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do mâu thuẫn là do tính cách quan điểm sống không hợp. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng chị đã cố gắng hòa giải nhưng không được. Vợ chồng chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, đề nghị

Toà án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng anh không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

Về đường lối giải quyết:

Căn cứ điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 6, khoản 1 điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị P. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn T.
2. Về án phí DSST: chị P phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.
3. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật./

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T vẫn thường trú tại địa phương nhưng thường xuyên vắng mặt tại nhà, không rõ thời điểm trở về, vì vậy không thể thực hiện việc tổng đạt hoặc thông báo trực tiếp. Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn T vắng mặt; căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 02/3/2016 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, giữa chị P và anh T chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm, không hòa hợp với nhau về tính cách, từ năm 2019 đến nay chị P và anh T ly thân. Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn T đã

mâu thuẫn trầm trọng, từ khi ly thân đến nay anh T cũng không tìm được biện pháp hàn gắn đoàn tụ nên nếu tiếp tục kéo dài thì mục đích của hôn nhân không đạt được; Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P đối với anh Nguyễn Văn T.

[5] Về nuôi con chưa thành niên khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn T không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị P, anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. *Về hôn nhân:* Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn T..

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai thu số 00004743 ngày 07/10/2022.

4. *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị P, anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản
- VKSND, tỉnh, huyện: 02 bản
- Chi cục THA huyện H: 01 bản
- UBND xã K, xã H: 01 bản
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, Lưu VP

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Xuân Thọ